

Số 466/TB-TĐHTPHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v bán tài sản thanh lý theo hình thức chỉ định.

Căn cứ Quyết định số 4365/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trường về việc thanh lý tài sản công của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 429/QĐ-TĐHTPHCM ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt giá khởi điểm bán thanh lý tài sản năm 2025,

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh thông báo bán thanh lý tài sản năm 2025, như sau:

1. Tên đơn vị có tài sản thanh lý: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

- Tài sản bán thanh lý: tài sản không còn đáp ứng hiệu năng, không có khả năng sửa chữa để sử dụng. Danh mục chi tiết kèm theo.
- Hình thức bán thanh lý: Bán chỉ định (toàn bộ danh mục, không bán riêng lẻ).
- Giá bán chỉ định: **14.700.000 đồng** (Bằng chữ: Mười bốn triệu bảy trăm ngàn đồng). Giá bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Chi tiết theo danh mục đính kèm.
- Hình thức nộp tiền: Chuyển khoản vào tài khoản của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

2. Điều kiện tham dự:

- Đối với cá nhân: Khi tham gia nộp văn bản đề nghị mua tài sản mang theo căn cước công dân.
- Đối với tổ chức: Khi tham gia phải mang theo căn cước công dân, giấy giới thiệu và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Đơn vị, cá nhân được chỉ định mua tài sản thanh lý: Người được chỉ định mua tài sản phải đặt cọc trước: **1.500.000 đồng** (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Thời gian xem, đăng ký mua tài sản và lựa chọn người mua tài sản thanh lý

- Thời gian xem tài sản: Từ ngày 11/8/2025 đến ngày 13/8/2025.
- Thời gian, đăng ký mua tài sản: Từ ngày 13/8/2025 đến hết ngày 14/8/2025 (trong giờ hành chính).
- Thời gian lựa chọn người mua tài sản thanh lý: **Ngày 15/8/2025.**
- Địa điểm tổ chức bán thanh lý tài sản: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (số 236B Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh).

5. Quy định về người không được tham gia mua tài sản

- Người không có năng lực về hành vi dân sự, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, không làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký mua tài sản không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

- Người có thẩm quyền quyết định bán tài sản; người trực tiếp giám định, đánh giá lại giá trị tài sản.

- Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người có thẩm quyền quyết định bán tài sản; người trực tiếp giám định, đánh giá lại giá trị tài sản.

6. Chi tiết thông tin liên hệ

- Phòng Quản trị Cơ sở vật chất Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (số 236B Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh). Số điện thoại: **0903.3056136**, gặp ông Nguyễn Vĩnh Lộc, Nhân viên Phòng Quản trị Cơ sở vật chất.

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thông báo đến các tổ chức, cá nhân được biết và tham gia.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Toàn trường;
- Website trường;
- Bảng thông tin;
- Lưu VT. ✓



HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Quyền

DANH MỤC TÀI SẢN BÁN THANH LÝ

(Đính kèm Thông báo số: ~~466~~/TB-TĐHTPHCM ngày 11 tháng 8 năm 2025)

STT	Tài sản	Số Lượng	Năm SX	Năm sử dụng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (đồng)
A	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH)	345				
I	Máy vi tính để bàn	154				
1	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
2	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
3	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
4	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
5	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
6	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
7	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
8	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
9	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
10	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
11	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
12	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
13	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
14	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
15	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
16	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
17	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
18	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
19	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
20	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000

21	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
22	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
23	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
24	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
25	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
26	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
27	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
28	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
29	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
30	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
31	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
32	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
33	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
34	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
35	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
36	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
37	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
38	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
39	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
40	Vi tính đồ họa FPT FLead	1	2009	2009	30.000	30.000
41	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
42	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
43	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
44	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
45	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
46	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
47	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000

48	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
49	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
50	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
51	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
52	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
53	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
54	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
55	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
56	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
57	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
58	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
59	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
60	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
61	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
62	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
63	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
64	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
65	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
66	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
67	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
68	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
69	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
70	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
71	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
72	Máy tính bàn LVI-540	1	2013	2013	30.000	30.000
73	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
74	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000

75	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
76	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
77	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
78	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
79	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
80	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
81	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
82	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
83	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
84	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
85	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
86	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
87	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
88	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
89	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
90	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
91	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
92	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
93	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
94	Máy tính Dell™ Optiplex™ 3010	1	2013	2013	30.000	30.000
95	Máy trạm nghiệp vụ Dell™ Optiplex™ N-Series Base	1	2013	2013	30.000	30.000
96	Máy trạm nghiệp vụ Dell™ Optiplex™ N-Series Base	1	2013	2013	30.000	30.000
97	Máy trạm nghiệp vụ Dell™ Optiplex™ N-Series Base	1	2013	2013	30.000	30.000
98	Máy trạm nghiệp vụ Dell™ Optiplex™ N-Series Base	1	2013	2013	30.000	30.000
99	Máy trạm nghiệp vụ Dell™ Optiplex™ N-Series Base	1	2013	2013	30.000	30.000
100	Máy trạm nghiệp vụ Dell™ Optiplex™ N-Series Base	1	2013	2013	30.000	30.000
101	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000

102	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
103	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
104	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
105	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
106	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
107	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
108	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
109	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
110	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
111	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
112	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
113	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
114	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
115	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
116	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
117	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
118	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
119	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
120	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
121	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
122	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
123	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
124	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
125	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
126	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
127	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
128	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000

129	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
130	Vi tính bàn LVG-620	1	2013	2013	30.000	30.000
131	Máy trạm phòng thi trắc nghiệm Dell™ Optiplex™ N-Series Base	1	2014	2014	30.000	30.000
132	Máy trạm phòng thi trắc nghiệm Dell™ Optiplex™ N-Series Base	1	2014	2014	30.000	30.000
133	Máy trạm phòng thi trắc nghiệm Dell™ Optiplex™ N-Series Base	1	2014	2014	30.000	30.000
134	Máy trạm phòng thi trắc nghiệm Dell™ Optiplex™ N-Series Base	1	2014	2014	30.000	30.000
135	Máy trạm phòng thi trắc nghiệm Dell™ Optiplex™ N-Series Base	1	2014	2014	30.000	30.000
136	Máy trạm phòng thi trắc nghiệm Dell™ Optiplex™ N-Series Base	1	2014	2014	30.000	30.000
137	Máy trạm phòng thi trắc nghiệm Dell™ Optiplex™ N-Series Base	1	2014	2014	30.000	30.000
138	Máy trạm phòng thi trắc nghiệm Dell™ Optiplex™ N-Series Base	1	2014	2014	30.000	30.000
139	Máy vi tính để bàn FPT Elead Core I3	1	2014	2014	30.000	30.000
140	Máy vi tính để bàn FPT Elead Core I3	1	2014	2014	30.000	30.000
141	Máy vi tính để bàn FPT Elead Core I3	1	2014	2014	30.000	30.000
142	Máy vi tính để bàn FPT Elead Core I3	1	2014	2014	30.000	30.000
143	Máy vi tính để bàn FPT Elead Core I3	1	2014	2014	30.000	30.000
144	Máy vi tính để bàn FPT Elead Core I3	1	2014	2014	30.000	30.000
145	Máy vi tính để bàn FPT Elead Core I3	1	2014	2014	30.000	30.000
146	Máy tính để bàn Dell™ Optiplex™ 3020	1	2015	2015	30.000	30.000
147	Máy tính để bàn Dell™ Optiplex™ 3020	1	2015	2015	30.000	30.000
148	Máy tính để bàn Dell™ Optiplex™ 3020	1	2015	2015	30.000	30.000
149	Máy tính để bàn Dell™ Optiplex™ 3020	1	2015	2015	30.000	30.000
150	Máy tính để bàn Dell™ Optiplex™ 3020	1	2015	2015	30.000	30.000
151	Máy tính để bàn Dell™ Optiplex™ 3020	1	2015	2015	30.000	30.000
152	Máy tính để bàn Dell™ Optiplex™ 3020	1	2015	2015	30.000	30.000
153	Máy tính để bàn Dell™ Optiplex™ 3020	1	2015	2015	30.000	30.000
154	Máy tính để bàn Dell™ Optiplex™ 3020	1	2015	2015	30.000	30.000
II	Máy tính xách tay	7				

1	Máy tính xách tay Dell Audia N7520	1	2013	2013	80.000	80.000
2	Máy vi tính xách tay mua sắm 2013 HP Pavilion	1	2013	2013	80.000	80.000
3	Laptop Lenovo Thinkpad X240 20AM36FVA	1	2014	2014	80.000	80.000
4	Máy vi tính xách tay HP Pavilion M4-10001TX	1	2014	2014	80.000	80.000
5	Máy vi tính xách tay HP Pavilion M4-10001TX	1	2014	2014	80.000	80.000
6	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 14 3443	1	2015	2015	80.000	80.000
7	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 14 3443	1	2015	2015	80.000	80.000
III	Máy in	8				
1	Máy in HP 1200	1	2004	2004	50.000	50.000
2	Máy in HP 1200	1	2004	2004	50.000	50.000
3	Máy in HP khổ A3 - HP LaserJet 5200 Printer	1	2011	2011	50.000	50.000
4	Máy in HP khổ A3 - HP LaserJet 5200 Printer	1	2011	2011	50.000	50.000
5	Máy in HP LaserJet khổ A4	1	2013	2013	50.000	50.000
6	Máy in HP LaserJet khổ A4	1	2013	2013	50.000	50.000
7	Máy in mạng HP LaserJet khổ A3 5200n	1	2013	2013	50.000	50.000
8	Máy in mạng, in 2 mặt Laser màu HP LaserJet HP Pro 400 Color M451DN	1	2014	2014	50.000	50.000
IV	Máy điều hòa không khí	8				
1	Máy lạnh Toshiba 1.5 HP	1	2000	2000	150.000	150.000
2	Máy lạnh Toshiba 1.5 HP	1	2000	2000	150.000	150.000
3	Máy lạnh Toshiba 1.5 HP	1	2000	2000	150.000	150.000
4	Máy lạnh Toshiba 1.5 HP	1	2000	2000	150.000	150.000
5	Máy lạnh Toshiba 2.0 HP	1	2007	2007	150.000	150.000
6	Máy điều hòa không khí LG 18.000BTU	1	2013	2013	150.000	150.000
7	Máy điều hòa không khí LG 18.000BTU	1	2013	2013	150.000	150.000
8	Máy điều hòa không khí LG 18.000BTU	1	2013	2013	150.000	150.000
V	Máy chiếu	38				

1	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
2	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
3	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
4	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
5	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
6	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
7	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
8	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
9	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
10	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
11	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
12	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
13	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
14	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
15	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
16	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
17	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
18	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
19	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
20	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
21	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
22	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
23	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
24	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
25	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
26	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
27	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
28	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000

29	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
30	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
31	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
32	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
33	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
34	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
35	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
36	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
37	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
38	Máy chiếu Optoma DLP S2215	1	2013	2013	30.000	30.000
VI	Thiết bị Trắc địa	63				
1	Máy kinh vĩ Theo 015B 5"	1	1992	1992	50.000	50.000
2	Máy kinh vĩ Theo 015B 5"	1	1992	1992	50.000	50.000
3	Máy kinh vĩ Theo 010B 5"	1	1992	1992	50.000	50.000
4	Máy đo góc 3T-5K	1	1997	1997	50.000	50.000
5	Máy đo góc 3T-5K	1	1997	1997	50.000	50.000
6	Máy đo góc 3T-5K	1	1997	1997	50.000	50.000
7	Máy đo góc 3T-5K	1	1997	1997	50.000	50.000
8	Máy đo góc 3T-5K	1	1997	1997	50.000	50.000
9	Máy đo góc 3T-5K	1	1997	1997	50.000	50.000
10	Máy đo góc 3T-5K	1	1997	1997	50.000	50.000
11	Máy đo góc 3T-5K	1	1997	1997	50.000	50.000
12	Máy đo góc 3T-5K	1	1997	1997	50.000	50.000
13	Máy đo góc 3T-5K	1	1997	1997	50.000	50.000
14	Máy đo góc 3T-5K	1	1997	1997	50.000	50.000
15	Máy đo góc Theo 020B	1	1997	1997	80.000	80.000
16	Máy đo góc Theo 020B	1	1997	1997	80.000	80.000

17	Máy đo góc Theo 020B	1	1997	1997	80.000	80.000
18	Máy đo góc Theo 020B	1	1997	1997	80.000	80.000
19	Máy đo góc Theo 020B	1	1997	1997	80.000	80.000
20	Máy đo góc Theo 020B	1	1997	1997	80.000	80.000
21	Máy đo góc Theo 020B	1	1997	1997	80.000	80.000
22	Máy đo góc Theo 020B	1	1997	1997	80.000	80.000
23	Toàn đạc điện tử D50	1	1999	1999	80.000	80.000
24	Toàn đạc điện tử D51	1	1999	1999	100.000	100.000
25	Toàn đạc điện tử D52	1	1999	1999	100.000	100.000
26	Toàn đạc điện tử D53	1	1999	1999	100.000	100.000
27	Kính vĩ YBK 1"	1	2000	2000	100.000	100.000
28	Máy kinh vĩ la bàn cả chân	1	2001	2001	50.000	50.000
29	Máy toàn đạc điện tử TC-1800L 01"	1	2001	2001	150.000	150.000
30	Máy kinh vĩ 3T5K 30"	1	2002	2002	80.000	80.000
31	Máy kinh vĩ 3T5K 30"	1	2002	2002	80.000	80.000
32	Máy kinh vĩ 3T5K 30"	1	2002	2002	80.000	80.000
33	Máy kinh vĩ 3T5K 30"	1	2002	2002	80.000	80.000
34	Máy kinh vĩ 3T5K 30"	1	2002	2002	80.000	80.000
35	Máy kinh vĩ 3T5K 30"	1	2002	2002	80.000	80.000
36	Máy kinh vĩ 3T5K 30"	1	2002	2002	80.000	80.000
37	Thủy chuẩn AX1S	1	2002	2002	50.000	50.000
38	Thủy chuẩn AX1S	1	2002	2002	50.000	50.000
39	Thủy chuẩn AX1S	1	2002	2002	50.000	50.000
40	Thủy chuẩn AX1S	1	2002	2002	50.000	50.000
41	Thủy chuẩn AX1S	1	2002	2002	50.000	50.000
42	Máy thủy chuẩn Sokkia (bộ)	1	2003	2003	80.000	80.000
43	Máy thủy chuẩn Sokkia (bộ)	1	2003	2003	80.000	80.000

44	Máy TĐ điện tử Sokkia	1	2004	2004	80.000	80.000
45	Kính vĩ điện tử DT610 Sokia	1	2005	2005	80.000	80.000
46	Kính vĩ điện tử DT610 Sokia	1	2005	2005	80.000	80.000
47	Toàn đạc điện tử 210 Sokia	1	2005	2005	80.000	80.000
48	Toàn đạc điện tử 510 Sokia	1	2005	2005	80.000	80.000
49	Toàn đạc điện tử C100	1	2005	2005	80.000	80.000
50	Toàn đạc điện tử C100	1	2005	2005	80.000	80.000
51	Thủy chuẩn điện tử TOPCON DL-102C 256 KB	1	2006	2006	80.000	80.000
52	Thủy chuẩn điện tử TOPCON DL-102C 256 KB	1	2007	2007	80.000	80.000
53	Kính vĩ điện tử HORIZONET-1005A	1	2010	2010	80.000	80.000
54	Kính vĩ điện tử HORIZONET-1005A	1	2010	2010	80.000	80.000
55	Máy toàn đạc điện tử Pentax-V325	1	2010	2010	80.000	80.000
56	Máy toàn đạc điện tử Pentax-V325	1	2010	2010	80.000	80.000
57	Máy toàn đạc điện tử Pentax-V325	1	2010	2010	80.000	80.000
58	Máy toàn đạc điện tử Pentax-V325	1	2010	2010	80.000	80.000
59	Bộ định vị GPS Leica SR20 3C	1	2011	2011	80.000	80.000
60	Máy GPS 1 tần số Leica 5mm, 10mm, 1GB	1	2013	2013	80.000	80.000
61	Máy toàn đạc điện tử TS02.5 độ CX 5" - Đo CK	1	2013	2013	80.000	80.000
62	Máy toàn đạc điện tử TS02.5 độ CX 5" - Đo CK	1	2013	2013	80.000	80.000
63	Thủy chuẩn điện tử Leica Sprinter 250M	1	2016	2016	80.000	80.000
VII	Thiết bị Hóa, Môi trường	7				
1	Tủ cấy vi sinh	1	2008	2008	50.000	50.000
2	Cân phân tích - Shimadzu	1	2011	2011	50.000	50.000
3	Thiết bị đo dòng 0-200mA	1	2011	2011	50.000	50.000
4	Thiết bị đo dòng 0-200mA	1	2011	2011	50.000	50.000
5	Thiết bị đo điện thế 0-2,5V	1	2011	2011	50.000	50.000
6	Thiết bị nạp và khử từ 3M 942	1	2009	2009	50.000	50.000

7	Máy đo pH cầm tay HI98160	1	2013	2013	50.000	50.000
VIII	Thiết bị lọc nước	4				
1	Hệ thống máy lọc nước phục vụ cho HSSV	1	2014	2014	20.000	20.000
2	Hệ thống máy lọc nước uống 02 vòi nguội, công suất 100l/h	1	2014	2014	20.000	20.000
3	Hệ thống máy lọc nước uống 02 vòi nguội, công suất 100l/h	1	2014	2014	20.000	20.000
4	Hệ thống máy lọc nước uống 02 vòi nguội, công suất 100l/h	1	2014	2014	20.000	20.000
IX	Máy ảnh	1				
1	Máy chụp hình bán chuyên nghiệp NIKON LENS 18/55 VR	1	2013	2013	100.000	100.000
X	Thiết bị mạng	4				
1	Switch Dell PowerConnect™ 24 Port Gigabit Ethernet Switch with 2 Fiber Uplink Ports	1	2013	2013	30.000	30.000
2	Switch Planet 24-Port	1	2015	2015	30.000	30.000
3	Switch Dell PowerConnect™ 24 Port Gigabit Ethernet Switch with 2 Fiber Uplink Ports. Model GSW-2401	1	2016	2016	30.000	30.000
4	Switch Dell PowerConnect™ 24 Port Gigabit Ethernet Switch with 2 Fiber Uplink Ports. Model GSW-2401	1	2016	2016	30.000	30.000
XI	Thiết bị điện tử, lưu trữ, quản lý dữ liệu	43				
1	Thiết bị xử lý dữ liệu tra cứu thư viện	1	2012	2012	30.000	30.000
2	Thiết bị lưu trữ, xử lý dữ liệu tra cứu	1	2012	2012	30.000	30.000
3	Thiết bị xử lý dữ liệu thư viện điện tử	1	2012	2012	30.000	30.000
4	Ổ đĩa cứng cho Server SUN 1TB SATA 7.2K	1	2014	2014	30.000	30.000
5	Ổ đĩa cứng cho Server SUN 1TB SATA 7.2K	1	2014	2014	30.000	30.000
6	Ổ đĩa cứng cho Server Sun fire 146GB	1	2014	2014	30.000	30.000
7	Ổ đĩa cứng cho Server Sun fire 146GB	1	2014	2014	30.000	30.000
8	Bộ nhớ Ram Server Sun 8GB	1	2015	2015	30.000	30.000
9	Bộ nhớ Ram Server Sun 8GB	1	2015	2015	30.000	30.000
10	Bộ nhớ Server Dell 16GB	1	2015	2015	30.000	30.000

11	Bộ nhớ Server Dell 16GB	1	2015	2015	30.000	30.000
12	Ổ đĩa cứng Server IBM 300GB	1	2015	2015	30.000	30.000
13	Ổ đĩa cứng Server IBM 300GB	1	2015	2015	30.000	30.000
14	Ổ đĩa cứng Server IBM 300GB	1	2015	2015	30.000	30.000
15	Ổ đĩa cứng Server Sun 1TB SATA	1	2015	2015	30.000	30.000
16	Ổ đĩa cứng Server Sun 1TB SATA	1	2015	2015	30.000	30.000
17	Thiết bị kết nối máy chủ DELL với thiết bị sao lưu dữ liệu IBM System Storage EXP3512	1	2015	2015	30.000	30.000
18	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
19	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
20	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
21	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
22	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
23	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
24	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
25	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
26	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
27	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
28	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
29	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
30	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
31	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
32	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
33	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
34	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
35	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
36	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000

37	Trạm tra cứu 5 cổng USB-1 Serian	1	2012	2012	30.000	30.000
38	Thiết bị đọc mã vạch Zebex	1	2012	2012	30.000	30.000
39	Thiết bị đọc mã vạch Zebex	1	2012	2012	30.000	30.000
40	Thiết bị gom dữ liệu di động Cipherlab	1	2012	2012	30.000	30.000
41	Trạm làm việc thủ thư Pentium Duan	1	2012	2012	30.000	30.000
42	Trạm làm việc thủ thư Pentium Duan	1	2012	2012	30.000	30.000
43	Thiết bị chuyển dữ liệu Router Juniper	1	2016	2016	30.000	30.000
XII	Thiết bị điện	5				
1	Module ắc quy - Battery Cabinet	1	2013	2013	50.000	50.000
2	Module ắc quy - Battery Cabinet	1	2013	2013	50.000	50.000
3	Module xử lý của UPS	1	2013	2013	50.000	50.000
4	Thiết bị lưu điện cho máy chủ Liebert - Emerson	1	2013	2013	50.000	50.000
5	Bộ phụ kiện máy scan A4 - Thư viện	1	2013	2013	50.000	50.000
XIII	Bàn, ghế	3				
1	Bàn làm việc	1	2007	2007	0	0
2	Bàn làm việc	1	2007	2007	0	0
3	Ghế văn phòng nhập khẩu	1	2014	2014	0	0
Tổng cộng (Bằng chữ: Mười bốn triệu, bảy trăm ngàn đồng)						14.700.000

